

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146/2023/KDTM-PT**

Ngày: 10/02/2023

V/v “Tranh chấp hợp

đồng tín dụng và Hợp tác đầu tư”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Thẩm Phán:

1. Bà Lê Thị Tuyết Trinh

2. Bà Lưu Thị Đoan Trang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tâm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 10/01/2023 và 10/02/2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/TLPT-KDTM ngày 23/11/2022 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp tác Đầu tư”,.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2828/2022/KDTM-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12938/2022/QĐXX-PT ngày 02/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12948/QĐ-HPT ngày 29/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở: Tháp B, số 194 đường T, phường L, quận K, Thành phố N;

Địa chỉ chi nhánh: Số 290 đường N, phường V, Quận I, Thành phố H;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Viết K - ông Võ Hưng Trung T - Cùng địa chỉ: Số 290 đường N, phường V, quận I, Thành phố H (Theo Quyết định ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021, Quyết định ủy quyền số 603/QĐ-BIDV-BSG ngày 04/7/2022).

Bị đơn: Công ty M;

Địa chỉ trụ sở: Số 280 ABC đường Đ, phường A, Quận K, Thành phố H;

Địa chỉ: Số 124 đường T, phường M, Quận K, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Hoài B - Giám đốc - Địa chỉ cư trú: Số 74/3/4B đường P, Phường R, quận N, Thành phố H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Tôn Thất Hồ N
- Văn phòng Luật sư A - Địa chỉ: Số 181/3 T, Phường Y, Quận M, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Đ - 2 - Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường K, phường H, Thành phố B, tỉnh Đ;

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị M H - bà Trần Thị H (Theo giấy uỷ quyền số 03/2021/GUQ-BVĐN2 ngày 26/7/2022) - Cùng Địa chỉ: Số 16-12 Tháp S, The A, số 28 M, phường A, Thành phố T, Thành phố H.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Luật sư Dương Thanh M - Công ty D - Địa chỉ: Số 16-12 Tháp S, The A, số 28 M, phường A, Thành phố T, Thành phố H.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – Ông Đinh Viết K trình bày:

Ngày 29/12/2014, Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Sài Gòn và Công ty M đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6038723/HĐTD thoả thuận vay số tiền: 100.000.000.000 đồng; mục đích vay: Cho vay, phát hành bảo lãnh thanh toán và thanh toán khi nghĩa vụ đến hạn (dự kiến số dư bảo lãnh thanh toán tối đa là 12.000 triệu đồng) để thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HTĐT-BVĐN2 ngày 23/10/2014 được ký giữa Công ty M và Công ty Đ nhằm đầu tư trang thiết bị, máy móc và thiết bị phụ trợ cho Bệnh viện Đa khoa Đ giai đoạn 2; thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên; lãi suất trong hạn là lãi suất thả nổi bằng (=) lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ 12 tháng trả lãi sau cộng (+) biên độ 4,0%; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hình thức vay: vay có tài sản bảo đảm.

Để đảm bảo cho việc thực hiện khoản vay, Ngân hàng T và Công ty M đã ký kết các hợp đồng thế chấp với các tài sản bảo đảm gồm xe ô tô, máy móc thiết bị, dụng cụ y tế,...hiện đang được quản lý, sử dụng bởi Bệnh viện Đa khoa Đ – 2, cụ thể:

1- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6038723/HĐBĐ ngày 08/5/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/5/2015, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Hyundai E-County;

2- Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6038723/HĐBĐ ngày 09/6/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/6/2015, tài sản thế chấp là 03 xe ô tô Toyota Hyundai;

3- Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/6038723/HĐBĐ ngày 19/6/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/6/2015, tài sản thế chấp là 02 xe cứu thương Hyundai;

4- Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015/6038723/HĐBĐ ngày 23/6/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/6/2015, tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế;

5- Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015/6038723/HĐBĐ ngày 13/7/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/7/2015, tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế;

6- Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2015/6038723/HĐBĐ ngày 25/8/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/8/2015, tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế;

7- Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2015/6038723/HĐBĐ ngày 09/9/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/09/2015, tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế;

8- Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015/6038723/HĐBĐ ngày 30/9/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/10/2015, tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế;

9- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/6038723/HĐBĐ ngày 01/6/2018, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/11/2018, tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế;

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng T đã giải ngân số tiền 95.984.119.304 đồng. Sau khi vay, Công ty M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 57.278.594.500 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.140.447.147 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 07/01/2020. Ngân hàng T đã nhiều lần đề nghị Công ty M thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty M vẫn không thiện chí thực hiện.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền còn nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6038723/HĐTD ngày 29/12/2014 là 73.804.253.802 đồng trong đó: dư nợ gốc là 38.705.524.804 đồng, lãi trong hạn là 18.865.631.895 đồng, lãi quá hạn là 16.233.097.103 đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính cho đến khi Công ty M trả hết số nợ cho Ngân hàng T;

- Trường hợp Công ty M không trả hết nợ hoặc chưa trả hết nợ thì yêu cầu Toà án phát mãi tất cả tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết, hiện đang được quản lý và sử dụng bởi Bệnh viện Đa khoa Đ - 2.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 11/03/2021 và tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Ông Trần Hoài B trình bày:

Công ty M đồng ý đối với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về các nội dung: các bên đã xác lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm, quá trình các bên thực hiện hợp đồng, số tiền nợ và số tiền lãi trong hạn mà Công ty M chưa thanh toán. Công ty M đề nghị Ngân hàng T xem xét giảm tiền lãi và gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Đồng thời, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty M và khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T, Công ty M có yêu cầu độc lập đối với Công ty Đ - 2 về việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng hợp tác đầu tư, cụ thể:

Ngày 23/10/2014, Công ty M và Công ty Đ - 2 đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HTĐT-BVĐN2 về việc đầu tư thiết bị y tế và các thiết bị phục vụ hoạt động của Bệnh viện Đa khoa Đ giai đoạn 2. Theo đó, Công ty M sẽ cung cấp thiết bị cho dự án Bệnh viện Đa khoa Đ giai đoạn 2 do Công ty Đ - 2 làm chủ đầu tư. Tổng giá trị hợp đồng là 151.290.460.000 đồng đã bao gồm thuế, phí, chuyển giao công nghệ, vận chuyển và lắp đặt. Công ty Đ - 2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo từng năm.

Để thực hiện hợp đồng, Công ty M đã vay vốn Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6038723/HĐTD ngày 29/12/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã cung cấp các thiết bị cho Công ty Đ - 2 theo đúng thỏa thuận. Các bên đã xác nhận các trang thiết bị được bàn giao đều đạt yêu cầu theo Biên bản thống nhất số 04/ML-BVĐN/BBTN ngày 27/4/2015. Tuy nhiên, Công ty Đ - 2 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán dù Công ty M đã nhiều lần yêu cầu. Việc Công ty Đ - 2 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty M đối với Ngân hàng T.

Do đó, Công ty M có yêu cầu độc lập đề nghị Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty Đ - 2 phải trả cho Công ty M toàn bộ khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HTĐT-BVĐN2 ngày 23/10/2014 về việc đầu tư thiết bị y tế và các thiết bị phục vụ hoạt động của Bệnh viện Đa khoa Đ giai đoạn 2 với số tiền nợ gốc là 48.320.256.912 đồng, số tiền lãi trong hạn là 8.470.339.559 đồng, số tiền lãi quá hạn là 21.210.654.948 đồng cùng với các khoản lãi, phí phạt theo quy định của Ngân hàng T. Buộc Công ty Đ - 2 trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

- Công ty Đ - 2 phải tiếp tục chịu lãi với lãi suất mà Ngân hàng T áp dụng đối với Công ty M là 10,80%/năm tính trên số nợ gốc chậm trả cho đến khi thanh toán đầy đủ khoản nợ gốc cho Công ty M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Đ 2 - Ông Nguyễn Đức B trình bày:

Công ty Đ - 2 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T và không đồng ý đối với yêu cầu độc lập của Công ty M. Công ty Đ - 2 đề nghị Ngân hàng T xem xét lại việc tính lãi, xem xét giảm lãi đối với các khoản vay, giá trị của các tài sản bảo đảm và được gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ 2 - Ông Nguyễn Trung K xác nhận Công ty Đ -2 đã được Tòa án tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4072/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 4650/2022/QĐST-KDTM ngày 12/7/2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4651/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12/7/2022 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 12/7/2022, ngày 27/7/2022. Tuy nhiên, Giấy ủy quyền số 03/2021/GUQ-BVĐN2 ngày 26/7/2022 với phạm vi ủy quyền chỉ cho phép ông Kiên trình bày về nội dung đề nghị Tòa án tách vụ án nên ông tham gia trong phạm vi ủy quyền. Theo đó, ông Kiên đề nghị tách yêu cầu độc lập của Công ty M về tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty M và Công ty Đ - 2 thành một vụ án khác để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến của mình.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu độc lập và trình bày của mình.

Bản án số 2828/2022/KDTM-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng T: Buộc bị đơn - Công ty M phải thanh toán số tiền 73.804.253.802 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 38.705.524.804 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.865.631.895 đồng, tiền lãi quá hạn là 16.233.097.103 đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 28/7/2022 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, Công ty M còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thi hành (bao gồm tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn) theo mức lãi được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6038723/HĐTD ngày 29/12/2014. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà Công ty M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

Trường hợp Công ty M không trả được nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản sau để thu hồi nợ, gồm:

- 1- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6038723/HĐBĐ ngày 08/5/2015;
- 2- Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6038723/HĐBĐ ngày 09/6/2015;
- 3- Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/6038723/HĐBĐ ngày 19/6/2015;
- 4- Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015/6038723/HĐBĐ ngày 23/6/2015;
- 5- Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015/6038723/HĐBĐ ngày 13/7/2015;
- 6- Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2015/6038723/HĐBĐ ngày 25/8/2015;
- 7- Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2015/6038723/HĐBĐ ngày 09/9/2015;
- 8- Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015/6038723/HĐBĐ ngày 30/9/2015;
- 9- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/6038723/HĐBĐ ngày 01/6/2018;

Trường hợp phát mãi các tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ. Công ty Đ – 2 là chủ thể đang quản lý, sử dụng các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên có trách nhiệm chuyển giao các tài sản thế chấp cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

II. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bị đơn - Công ty M buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty Đ - 2 phải thanh toán số tiền 78.001.251.419 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 48.320.256.912 đồng, số tiền lãi trong hạn là 8.470.339.559 đồng, số tiền lãi quá hạn là 21.210.654.948 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty Đ - 2 còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thi hành (bao gồm tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn) theo mức lãi suất được quy định tại Điều 2.2.2 Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HTĐT-BVĐN2 ngày 23/10/2014, đó là lãi vay trung hạn mà Ngân hàng T áp dụng đối với Công ty M tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 09/8/2022 ông Nguyễn Đức B đại diện theo pháp luật Công ty Đ - 2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Công ty Đ - 2 thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì: Cấp sơ thẩm không xem xét thẩm

định tại chỗ đối với các tài sản đang thế chấp theo quy định; Cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật, xác định quan hệ tranh chấp sai và giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự; Cấp sơ thẩm không xem xét tổng thể, toàn diện các vấn đề trong vụ án, không đảm bảo tính công bằng và ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan. Nguyên đơn và bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ - 2, đề nghị y án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều, 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Đ - 2, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung về xử lý tài sản thế chấp và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại đối với phần xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự; của các luật sư;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức B đại diện theo pháp luật Công ty Đ - 2 làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Công ty Đ - 2 thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì: Cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản đang thế chấp theo quy định; Cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật, xác định quan hệ tranh chấp sai và giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự; Cấp sơ thẩm không xem xét tổng thể, toàn diện các vấn đề trong vụ án, không đảm bảo tính

công bằng và ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan. Nguyên đơn và bị đơn đề nghị y án sơ thẩm. Đây là những vấn đề cần xem xét.

[3] Xét, để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6038723/HĐTD ngày 29/12/2014 giữa Ngân hàng T và Công ty M, các bên đã ký tổng cộng 09 hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể:

[3.1] Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6038723/HĐBĐ ngày 08/05/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/05/2015, tài sản đảm bảo: 01 xe ô tô Hyundai E-County; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6038723/HĐBĐ ngày 09/06/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/06/2015, tài sản đảm bảo: 03 xe ô tô Toyota Innova; Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/6038723/HĐBĐ ngày 19/06/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/06/2015, tài sản đảm bảo: 02 xe ô tô Cứu thương Hyundai; Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015/6038723/HĐBĐ ngày 23/06/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/06/2015, tài sản đảm bảo: Các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế; Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015/6038723/HĐBĐ ngày 13/07/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/07/2015, tài sản đảm bảo: Các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế; Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2015/6038723/HĐBĐ ngày 25/08/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/08/2015, tài sản đảm bảo: Các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế; Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2015/6038723/HĐBĐ ngày 09/09/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/09/2015, tài sản đảm bảo: Các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế; Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015/6038723/HĐBĐ ngày 30/09/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/10/2015, tài sản đảm bảo: Các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/6038723/HĐBĐ ngày 01/06/2018, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/11/2018, tài sản đảm bảo: Xe ô tô và các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế. Các tài sản thế chấp nêu trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty M, Công ty M đã dùng toàn bộ tài sản thế chấp này để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng T.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác nhận toàn bộ tài sản thế chấp trên hiện do Công ty Đ - 2 quản lý và sử dụng. Công ty M đồng ý để Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty M không có khả năng thanh toán các khoản nợ đã vay theo các hợp đồng tín dụng. Cấp sơ thẩm tuyên phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng T là có cơ sở. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ để làm rõ toàn bộ tài sản theo 09 hợp đồng thế chấp như trên thực tế còn tồn tại hay không để đảm bảo cho việc phát mãi tài sản và đảm bảo bản án được thực hiện trên thực tế. Đây là vi phạm tổ tụng nghiêm trọng của cấp sơ thẩm mà cấp phúc thẩm không thể khắc

phục được. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

[3.3] Cấp sơ thẩm lưu ý khi giải quyết lại vụ tranh chấp cần áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị Quyết số 01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn để giải quyết về vấn đề lãi; về việc áp dụng luật...

[3.4] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Đ - 2, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung về xử lý tài sản thế chấp là chưa đầy đủ, chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần đề nghị của Viện Kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án nên người kháng cáo Công ty Đ - 2 (Tên cũ: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Đ) không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Đ - 2 (Tên cũ: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Đ):

Hủy Bản án sơ thẩm số 2828/2022/KDTM-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục chung.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Đ - 2 (Tên cũ: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Đ) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2021/0028099 ngày 09/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh Lưu Thị Đoan Trang

Nguyễn Thị Thùy Dung

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THA DS TP HCM;
- TAND Tp. Thủ Đức TP HCM;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung

